

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG NÔ  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:2/2025/DS-ST

Ngày: 27/03/2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Hồng Duy.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Khải và ông Hồ Giang Nam.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hải Thương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:** Ông Mai Văn Hữu, chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 03 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 213/2024/TLST-DS, ngày 19/12/2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-DS, ngày 13/03/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị X, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông, có mặt

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, bà Tô Thị Kim H; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông, đề có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2024, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phạm Thị X trình bày: Ngày 09/9/2020, bà Nguyễn Thị L và bà Tô Thị Kim H có thỏa thuận vay của bà X số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay một tháng, ngày trả tiền là ngày 09/10/2020, trả tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh, lãi thỏa thuận 2%/tháng và chỉ thỏa thuận miệng.

Sau khi thỏa thuận xong, bà X đã giao đủ số tiền cho bà L và bà H, hai bên có lập một giấy vay tiền viết tay vào ngày 09/09/2020, nội dung: Bà L, bà H vay của bà X với số tiền 300.000.000 đồng, ngày trả nợ là ngày 09/10/2020, không ghi về lãi suất, bà L và bà H ký xác nhận nợ.

Đến hạn trả nợ mặc dù bà X đã đòi nhiều lần nhưng bà Nguyễn Thị L, bà Tô Thị Kim H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đến ngày 27/5/2021, bà H trả cho bà X được 50.000.000 đồng và được trừ vào số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng, như vậy bà L và bà H còn nợ lại số tiền gốc là 250.000.000 đồng, tiền lãi chưa thanh toán.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà X yêu cầu tính lãi suất với mức lãi suất 1,66%/tháng (20%/năm), từ ngày vay 09/09/2020 cho đến ngày xét xử. Tại phiên tòa, bà X yêu cầu tính lãi suất 10%/năm.

Đối với giấy vay tiền ngày 09/09/2020: Tháng 09 hoặc tháng 10 năm 2024, giữa bà H và bà X có thỏa thuận về các khoản nợ giữa bà X và bà H, hai bên có thỏa thuận về khoản nợ 75.000.000 đồng và 250.000.000 đồng và các bên thỏa thuận viết giấy nợ mới, nên bà X đã đưa giấy nợ gốc ghi số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 09/09/2020 cho bà H và bà H đã xé giấy, đồng thời bà H viết giấy mới. Nhưng trong giấy ghi nợ mới, bà H lại không ghi số tiền 250.000.000 đồng mà chỉ ghi số tiền 75.000.000 đồng. Sau đó, bà X soạn một giấy ghi số tiền 250.000.000 đồng nhưng bà H không ký xác nhận nợ. Giấy gốc ngày 09/09/2020 đã bị bà H hủy và không còn nữa.

Trong giấy ghi nợ mới ngày 26/10/2024, bà H có ghi các khoản nợ 40.000.000 đồng, 35.000.000 đồng và năm 50.000.000 đồng nhưng không ghi số tiền 250.000.000 đồng

Nay bà X khởi kiện và yêu cầu bà Nguyễn Thị L, bà Tô Thị Kim H phải thanh toán tổng số tiền 366.782.411 đồng, cụ thể như sau:

- Số tiền nợ gốc còn lại 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*).

- Tiền lãi: Từ ngày 09/09/2020 đến ngày 26/5/2021 là 08 tháng 17 ngày:  $300.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 08 \text{ tháng } 17 \text{ ngày} = 21.332.411 \text{ đồng}$  (*Hai mươi một triệu ba trăm ba mươi ngàn bốn trăm mười một đồng*). Từ ngày 27/05/2021 đến ngày xét xử là ngày 27/03/2025 là 03 năm 10 tháng:  $250.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 03 \text{ năm } 10 \text{ tháng} = 95.450.000 \text{ đồng}$  (*Chín mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng*).

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị L, bà Tô Thị Kim H trình bày: Bà H vay của bà X với số tiền 300.000.000 đồng, vay trong thời hạn 01 tháng, trả tiền gốc và tiền lãi

vào ngày 09/10/2020, các bên có thỏa thuận lãi nhưng không thỏa thuận cụ thể. Sau khi thỏa thuận xong, bà H đã nhận đủ số tiền 300.000.000 đồng, bà H đã viết giấy vay tiền vào ngày 09/09/2020 với nội dung cơ bản: Bà H vay bà X số tiền 300.000.000 đồng, ngày trả tiền vào ngày 09/10/2020, người ký nợ là bà Tô Thị Kim H. Sau một thời gian, bà Nguyễn Thị L ký xác nhận nợ cùng với bà H, bà L ký xác nhận vào giấy vay tiền ngày 09/09/2020, xác nhận nợ với số tiền 300.000.000 đồng.

Bà H cũng đã trả cho bà X nhiều lần, đã trả với số tiền khoảng từ 160 đến 165 triệu đồng nhưng không có chứng cứ để chứng minh, bà H khai con trai bà cũng mang tiền trả cho bà X (nhưng bà H không cung cấp họ và tên, địa chỉ con trai bà H vì bà H không muốn ảnh hưởng đến con trai). Ngày 27/5/2021, bà H đã thanh toán được 50.000.000 đồng được ghi trong giấy vay tiền ngày 09/09/2020.

Giấy vay tiền ngày 09/09/2020, do bên nguyên đơn cung cấp nội dung chính xác, bà L, bà H xác nhận nội dung trong giấy là chính xác, đúng sự thật. Nhưng trong tháng 09 hoặc 10, giữa bà X và bà H có thỏa thuận mới và viết giấy xác nhận nợ mới về khoản nợ 250.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Giấy vay tiền ngày 09/09/2020 và giấy thỏa thuận mới về số tiền 250.000.000 đồng hiện đang do bà X cầm và quản lý.

Đối với giấy ghi nợ vào ngày 26/10/2024, với các khoản tiền 40.000.000 đồng, 35.000.000 đồng mà bà H ký xác nhận nợ, trong đó khoản nợ 40.000.000 đồng và 35.000.000 đồng đây là khoản nợ khác và không liên quan đến số tiền 300.000.000 đồng trong giấy vay tiền ngày 09/09/2020 hoặc 250.000.000 đồng thỏa thuận mới; khoản tiền 50.0000.000 đồng này đã được trừ vào số tiền 300.000.000 đồng ngày 09/09/2020 và còn nợ lại số tiền 250.000.000 đồng.

Bà L, bà H thừa nhận đang còn nợ bà X số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*). Đối với yêu cầu khởi kiện của bà X, bà L và bà H chỉ đồng ý trả gốc 250.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của bà X, bà H đã trả được một ít tiền gốc và lãi rồi (nhưng không có giấy tờ, chứng cứ để chứng minh). Tại phiên tòa, bà L, bà H không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với giấy vay tiền ngày 09/09/2020, vì giấy vay tiền gốc không có trong hồ sơ nên xin rút đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khâu thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện của bà Phạm Thị X, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn bà Nguyễn Thị L, bà Tô Thị Kim H - trú tại thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Tòa án nhân dân huyện Krông Nô thụ lý và giải quyết vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Tại phiên tòa, bà Tô Thị Kim H rút yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, bà H và bà L không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện trong vụ án này. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu của bà Tô Thị Kim H về phần áp dụng thời hiệu khởi kiện trong vụ án này.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bà H, bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh liên quan đến: Số tiền gốc 300.000.000 đồng, thỏa thuận mới liên quan đến số tiền 250.000.000 đồng và không tính lãi suất, việc đã trả tiền lãi và tiền gốc với số khoảng tiền 160 đến 165 triệu đồng. Tại phiên tòa, bà H, bà L khai tại thời điểm này không có giấy tờ hoặc chứng cứ liên quan đến thỏa thuận mới, giao và nhận tiền gốc và lãi giữa bà X với bà L, bà H. Bà H không cung cấp thông tin (họ và tên, địa chỉ) con trai của bà H vì có mang tiền trả cho bà X, vì bà H sợ ảnh hưởng tới gia đình và con trai nên không cung cấp cho Tòa án. Bà H thừa nhận số tiền ghi trong giấy nhận nợ ngày 26/9/2024 như sau: khoản tiền 40.000.000 đồng; 35.000.000 đồng là không liên quan đến số tiền 300.000.000 đồng hoặc số tiền 250.000.000 đồng, đây là khoản nợ riêng khác; 50.000.000 đồng thì đã được trừ vào số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và hiện nay đang nợ bà X số tiền 250.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 09/09/2020.

[4] Ngày 19/9/2024, bà X đã nhận lại giấy gốc giấy vay tiền của ngày 09/9/2020 và đã giao cho bà H xé đi và viết lại giấy mới thỏa thuận. Nhưng trong giấy nhận nợ mới bà H không đề cập đến số tiền 250.000.000 đồng, mà chỉ ghi số tiền 40.000.000 đồng, 35.000.000 đồng, 50.000.000 đồng và đến khi phát hiện không ghi số tiền 250.000.000 đồng, bà X làm giấy mới thì bà H không ký xác nhận nợ.

[5]. Bà X đã nộp cho Tòa án 01 giấy gốc biên bản đối chiếu công nợ và



không ai ký xác nhận nội dung, 01 giấy đối chiếu công nợ ngày 26/9/2024 thỏa thuận các khoản tiền 40.000.000 đồng; 35.000.000 đồng; 50.000.000 đồng. Bà X khẳng định số tiền 40.000.000 đồng; 35.000.000 đồng là không liên quan đến số tiền nợ 300.000.000 đồng hoặc số tiền 250.000.0000 đồng; số tiền 50.000.000 đồng là được trừ vào số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và bà L, bà H nợ lại số tiền gốc 250.000.000 đồng.

Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.* Như vậy, các đương sự phải chịu hậu quả về việc không đưa ra được và không đưa ra đủ chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[6]. Trong hồ sơ, giấy vay tiền ngày 09/09/2020 là giấy phô tô, nội dung giấy vay tiền thể hiện giữa các bên có thỏa thuận cụ thể số tiền, thời hạn vay, có chữ ký của bên vay, các bên đều thừa nhận giấy vay tiền ngày 09/9/2020 bản phô tô là đúng nội dung nội dung thỏa thuận, chính xác và đúng sự thật. Các bên đều thừa nhận là phù hợp với khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.*

[7]. Về nội dung tranh chấp: Xét nội dung khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, bà X yêu cầu bà L, bà H phải trả số tiền nợ gốc còn lại 250.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 09/09/2020 đến ngày xét xử.

[8] Đối với số tiền nợ gốc: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bên thừa nhận giấy vay tiền ngày 09/09/2020 với nội dung: Bà L, bà H vay của bà X số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, thời hạn trả nợ vào ngày 09/10/2020 là chính xác và đúng sự thật. Ngày 27/5/2021, bà H trả được số tiền 50.000.000 đồng và được trừ vào số tiền nợ gốc: 300.000.000 – 50.000.000 đồng = 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), bà L và bà H khẳng định tại thời điểm này vẫn đang còn nợ bà X số tiền gốc là 250.000.000 đồng.

[9] Chứng cứ mà bà X cung cấp cho Tòa án là theo “Giấy mượn tiền” ngày 09/9/2020 có ký nhận của người vay tiền là bà L, bà H. Tại thời điểm xác lập giấy cho mượn tiền và ký nhận bà L, bà H thừa nhận hoàn toàn tinh tảo, việc ký nhận là hoàn toàn tự nguyện. Xét nội dung và mục đích của giấy vay tiền thấy rằng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Theo

khoản 1 Điều 117 của Bộ luật Dân sự thì giao dịch vay tiền giữa bà X và bà L, bà H đủ điều kiện có hiệu lực từ đó làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền của bên vay khi đến hạn. Như vậy, việc bà L, bà H có vay tiền của bà X là có thật. Việc vay tiền giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc nào, đáp ứng đủ điều kiện được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự quy định *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Do đó, hợp đồng vay tài sản giữa bà X và bà L, bà H là hợp pháp.*

[10] Đến hạn trả nợ, bà L và bà H không trả cho bà X khoản tiền gốc và lãi nên bà L, bà H đã vi phạm nghĩa vụ dân sự theo 1 Điều 351 của BLDS *“1. Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”*. Do bà L, bà H vi phạm nghĩa vụ nên bà X khởi kiện yêu cầu bà L, bà H trả số tiền gốc còn lại là 250.000.000 đồng là có cơ sở.

[11] Về yêu cầu tính lãi suất: Giấy vay tiền ngày 09/9/2020, không ghi nội dung về lãi suất. Trong quá trình giải quyết, nguyên đơn khai lãi suất thỏa thuận 2%/tháng; bị đơn khai có thỏa thuận lãi suất nhưng thỏa thuận miệng, không xác định lãi suất cụ thể. Tại phiên tòa, bị đơn không thừa nhận có lãi vì trong giấy vay tiền ngày 09/09/2020 không ghi lãi suất. Như vậy, nguyên đơn và bị đơn không thống nhất được về lãi suất, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất và bị đơn không đồng ý tính lãi suất vì trong giấy vay tiền không ghi về lãi suất, các bên có tranh chấp về lãi suất. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự để tính lãi suất đối với yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự quy định:

*“2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được quy xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”*.

Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định:

*“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.*

*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, .....”*

“2. ....có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

[12] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà X yêu cầu tính lãi suất 20%/năm, nhưng tại phiên tòa, bà X yêu cầu tính lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng). Bà X yêu cầu tính lãi suất cụ thể: Từ ngày 09/09/2020 đến ngày 26/5/2021 là 08 tháng 17 ngày:  $300.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 08 \text{ tháng } 17 \text{ ngày} = 21.332.411 \text{ đồng}$  (Hai mươi một triệu ba trăm ba mươi ngàn bốn trăm mười một đồng). Từ ngày 27/05/2021 đến ngày xét xử là ngày 27/03/2025 là 03 năm 10 tháng:  $250.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 03 \text{ năm } 10 \text{ tháng} = 95.450.000 \text{ đồng}$  (Chín mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng). Như vậy, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất với mức 10%/năm (0,83%/tháng) là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nên cần chấp nhận.

[13] Từ những căn cứ, lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị X; buộc bà Nguyễn Thị L, bà Tô Thị Kim H có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi từ ngày 09/9/2020 đến ngày xét xử (ngày 27/03/2025), cụ thể: Từ ngày 09/09/2020 đến ngày 26/5/2021 là 08 tháng 17 ngày:  $300.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 08 \text{ tháng } 17 \text{ ngày} = 21.332.411 \text{ đồng}$  (Hai mươi một triệu ba trăm ba mươi ngàn bốn trăm mười một đồng). Từ ngày 27/05/2021 đến ngày xét xử là ngày 27/03/2025 là 03 năm 10 tháng:  $250.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 03 \text{ năm } 10 \text{ tháng} = 95.450.000 \text{ đồng}$  (Chín mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng) cho bà Phạm Thị X là có cơ sở nên cần chấp nhận. Bà Nguyễn Thị L, bà Tô Thị Kim H có nghĩa vụ trả cho bà X tổng số tiền: 366.782.411 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn bốn trăm mười một đồng)

[14] Về án phí dân sự:

Bị đơn bà Nguyễn Thị L, bà Tô Thị Kim H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải trả cho nguyên đơn, cụ thể:  $366.782.411 \text{ đồng} \times 5\% = 18.339.120 \text{ đồng}$  (Mười tám triệu ba trăm ba mươi chín ngàn một trăm hai mươi đồng).

Hoàn trả 12.283.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm tám mươi ba ngàn đồng) cho bà Phạm Thị X, tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000594, ngày 12/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

[15]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 494, 495, 496, 498 và 499; khoản 1 Điều 351; khoản 2 Điều 357; Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466; khoản 2 Điều 468; khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị X đối với bà Nguyễn Thị L, bà Tô Thị Kim H về việc tranh chấp vay tài sản

2. Buộc bà Nguyễn Thị L, bà Tô Thị Kim H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị X tổng số tiền 366.782.411 đồng (*Ba trăm sáu mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi hai ngàn, bốn trăm mười một đồng.*). Trong đó số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu*) và tiền lãi 116.782.411 đồng (*Một trăm mười sáu triệu, bảy trăm tám mươi hai ngàn, bốn trăm mười một đồng*)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của bà Tô Thị Kim H.

4. Về án phí dân sự:

- Buộc bà Nguyễn Thị L, bà Tô Thị Kim H phải nộp 18.339.120 đồng (*Mười tám triệu, ba trăm ba mươi chín ngàn, một trăm hai mươi đồng*), tiền án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- Hoàn trả 12.283.000 đồng (*Mười hai triệu, hai trăm tám mươi ba ngàn đồng*) cho bà Phạm Thị X, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000594, ngày 12/6/2024, nhận tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật



thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được bổ sung năm 2014, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

-TAND tỉnh Đắk Nông;

-VKSND huyện Krông Nô;

-Chi cục THADS huyện Krông Nô;

-Các đương sự;

-Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHÂN TÒA**

**Lại Hồng Duy**